

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số 126/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 12 - 2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền;

Bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 190/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1996

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Hiện nay chị N đang lao động tại Nhật Bản.

- Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm A, thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Một thời gian ngắn sau khi kết hôn, chị N xuất cảnh trở lại Nhật Bản lao động, anh V vẫn sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Khoảng thời gian này vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc và quan tâm đến nhau. Tuy nhiên cuộc

sống hôn nhân chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau, không có thời gian để gần gũi, chia sẻ và thấu hiểu lẫn nhau. Để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị N mong muốn cùng anh V sang lao động tại Nhật Bản tuy nhiên anh V không phối hợp để làm hồ sơ. Đến tháng 12 năm 2023 mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng hơn khi anh chị bất đồng quan điểm về tài chính. Chị liên tục nhận được những cuộc điện thoại thúc ép trả thay khoản nợ mà anh V đã vay trước khi kết hôn. Mặc dù chị đã nhiều lần liên lạc với anh V và gia đình anh V nhưng chị không nhận được bất kỳ câu trả lời nào. Để cuộc sống của chị không bị làm phiền nên chị đã thay anh V trả khoản nợ trên. Sau đó chị không còn tin tưởng anh V, anh chị không còn chia sẻ, quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

+ Về con chung: Chị và anh Trần Văn V không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn – anh Trần Văn V gửi văn bản trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn của anh và chị N đúng như chị N đã trình bày. Một vài ngày sau khi kết hôn, chị N xuất cảnh trở lại Nhật Bản để lao động, anh vẫn lao động tại địa phương. Cuộc sống hôn nhân của anh và chị N chỉ hạnh phúc trong một thời gian ngắn, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống mỗi người một nơi, ngay sau khi kết hôn chị N sang Nhật Bản để lao động nên vợ chồng không có thời gian ở gần nhau, quan tâm và thấu hiểu lẫn nhau. Tình trạng hôn nhân giữa anh và chị N tồn tại quá nhiều mâu thuẫn, thiếu sự tin tưởng trong cuộc sống khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt và không thể hàn gắn. Anh nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không muốn duy trì cuộc sống hôn nhân nên anh V đồng ý ly hôn chị N.

+ Về con chung: Anh và chị N không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Bùi Thị Hồng N đang lao động tại nước ngoài. Bị đơn là anh Trần Văn V có địa chỉ tại xóm A, thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Toà án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Vì vậy, không có sự tham gia của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1.3] Các đương sự đã được Toà án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng N và anh Trần Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/7/2023 số vào sổ 32 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam, là hôn nhân hợp pháp. Qua ý kiến trình bày của chị N và anh V thể hiện sau khi kết hôn anh chị không sống chung, không có sự thấu hiểu nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị N xin ly hôn, anh V đồng ý là thể hiện cả hai không còn muốn duy trì cuộc sống hôn nhân nữa. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị N được ly hôn với anh V là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị Hồng N và anh Trần Văn V không có con chung, nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Hồng N và anh Trần Văn V đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Hồng N được ly hôn anh Trần Văn V.

2. Về nuôi con chung: Chị N và anh V không có con chung, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000272 ngày 04/10/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Chị Bùi Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ. Anh Trần Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- UBND xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hằng

